

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế trường THCS Ngũ Phụng
Năm học 2023-2024

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	437	141	100	106	90
1	Tốt Tỉ lệ % so với tổng số	282 64,53	91 64,54	71 71,0	56 52,83	64 71,11
2	Khá Tỉ lệ % so với tổng số	112 25,63	38 26,95	21 21,0	32 30,19	21 23,33
3	Trung bình Tỉ lệ % so với tổng số	36 8,24	10 7,09	7 7,0	14 13,21	5 5,56
4	Yếu Tỉ lệ % so với tổng số	7 1,60	2 1,42	1 1,0	4 3,77	0 0
II	Số học sinh chia theo học lực	437	141	100	106	90
1	Giỏi Tỉ lệ % so với tổng số	124 28,38	40 28,37	23 23,0	22 20,75	39 43,33
2	Khá Tỉ lệ % so với tổng số	150 34,32	52 36,88	39 39,0	29 27,36	30 33,33
3	Trung bình Tỉ lệ % so với tổng số	120 27,46	34 24,11	30 30,0	38 35,85	18 20,0
4	Yếu Tỉ lệ % so với tổng số	42 9,61	15 10,64	8 8,0	17 16,04	2 2,22
5	Kém Tỉ lệ % so với tổng số	1 0,23	0 0	0 0	0 0	1 1,11
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	437	141	100	106	90
1	Lên lớp Tỉ lệ % so với tổng số	422 96,57	138 97,88	98 98,0	99 93,40	87 96,67
a	Học sinh giỏi Tỉ lệ % so với tổng số	77 17,62	16 11,34	12 12,0	10 9,43	39 43,33
b	Học sinh tiên tiến Tỉ lệ % so với tổng số	76 17,39	24 17,02	11 11,0	11 10,37	30 33,33
2	Thi lại (kể cả RL lại) Tỉ lệ % so với tổng số	39 8,92	15 10,63	9 9,0	15 14,15	0 0
3	Lưu ban Tỉ lệ % so với tổng số	15 3,43	3 2,12	2 2,0	7 6,60	3 3,33
4	Chuyển trường đến/đi Tỉ lệ % so với tổng số					
5	Bị đuổi học Tỉ lệ % so với tổng số			0 0		

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) Tỉ lệ % so với tổng số	28 <i>6,02</i>	10 <i>6,62</i>	11 <i>9,90</i>	3 <i>2,75</i>	4 <i>4,25</i>
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	90				90
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	87				87
1	Giỏi Tỉ lệ % so với tổng số	39 <i>44,82</i>				39 <i>44,82</i>
2	Khá Tỉ lệ % so với tổng số	30 <i>34,48</i>				30 <i>34,48</i>
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	18 <i>20,70</i>				18 <i>20,70</i>
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng Tỉ lệ % so với tổng số					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	210/227	76/65	42/58	50/56	41/49
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

* Ghi chú:

- Số học sinh bỏ học (trong năm học là 3, trong hè 2023 là 25)

Ngũ Phụng, ngày 05 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hải